

Bản án số 15/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 25.9.2020

“V/v ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hồng Thu và ông Trần Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Văn Quyền- Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa : ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐHPT ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Ngô Thị H, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: thôn P, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: anh Lê Hữu P, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/11/2015.

Người đại diện cho cháu V:

- Anh Lê Hữu P, sinh năm 1991 (bố đẻ cháu V - vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Ngô Thị H, sinh năm 1995 (mẹ đẻ cháu V – vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Đội 3, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: thôn P, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là chị Ngô Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 24/3/2015. Vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do anh P chơi bời cờ bạc không chịu làm ăn, chị tham gia góp ý anh P không nghe mà còn đánh chửi chị nhiều lần. Năm 2016 anh P đã bị Tòa án xử phạt 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, nhưng anh P vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Gia đình cũng đã nhiều lần động viên vợ chồng chị về chung sống với nhau nhưng chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị H và anh P có 01 con chung là cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/11/2015, hiện nay cháu V đang ở với chị H. Nếu ly hôn, chị xin tiếp tục được nuôi cháu cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị H không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Hữu P đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh P vắng mặt không có lý do tại các buổi Tòa án tiến hành lấy lời khai và tại các phiên họp theo quy định của pháp luật.

* Người làm chứng là ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị V (bố mẹ đẻ anh P); bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ chị H) trình bày: về thời gian, điều kiện và địa điểm kết hôn; con chung; quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh P như chị H đã trình bày trên. Chị H xin ly hôn, ông H và bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh P. Ông H, bà V, bà D đề nghị giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng.

Ông H, bà V xác nhận đã nhận thay anh P các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự... Ông, bà đã thông báo cho anh P biết nội dung nhưng do anh P bận không đến Tòa án để giải quyết vụ án được.

* UBND M cung cấp như sau: chị H và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 24/3/2015. Chị H, anh P có con chung như chị H đã trình bày trên. Chị H và anh P chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn do anh P chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn và ngày 06/12/2016 đã bị Tòa án phạt cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Nay chị H xin ly hôn anh P

và giải quyết về con chung, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là chị Ngô Thị H vắng mặt, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh P; về con chung: chị H xin được tiếp tục nuôi con chung; về tài sản: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đúng quy định của pháp luật, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, đương sự được triệu tập đúng thành phần, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của đương sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lê Hữu P.

+ Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/11/2015, đến khi cháu V thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản: không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Lê Hữu P hợp lệ. Tại phiên tòa, chị H, anh P vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, anh P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh P là hai người khác xã, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Động ngày 24/3/2015. Chị H và anh P chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P chơi bời không chịu làm ăn và quan tâm đến gia đình. Chị H và anh P

đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh P đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Việc anh P không đến Tòa án để giải quyết vụ án là nhằm mục đích gây khó khăn và kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chị H và anh P mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị H được ly hôn anh P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị H, anh P có một con chung là Lê Ngọc V, sinh ngày 13/11/2015. Cháu V hiện nay đang ở với chị H, nếu ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi cháu V cho đến khi cháu thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu V đang ở với chị H ổn định, vì vậy giao cho chị H được tiếp tục nuôi cháu V đến khi thành niên. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Khi nào anh P có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản theo quy định của pháp luật, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Ngô Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lê Hữu P.

Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục nuôi cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/11/2015, đến khi cháu V thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: không đặt ra xem xét.

Khi nào P có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản theo quy định của pháp luật, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001822 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND, Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh